

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 03-9-2020

“V/v Tranh chấp kiện đòi nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 24/02/2020 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-DS, ngày 28/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-DS, ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L - sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U - sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt) cùng vợ bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà Phạm Thị N có làm chủ hụi nên tôi có chơi hụi, cụ thể như sau:

Vào ngày 29/4/2016 âl, bà N áp dây hụi 500.000 đồng, 01 tháng xỏ 01 lần, gồm có 30 hụi viên, tôi có chơi 01 chân và mãn hụi ngày 30/8/2018 nên số tiền tôi được hốt là 14.250.000 đồng nhưng bà N không có giao hụi cho tôi.

Vào ngày 30/4/2016 âl, bà N áp dây hụi 500.000 đồng, 01 tháng xỏ 01 lần, gồm có 30 hụi viên, tôi có chơi 02 chân, khi hụi xỏ được 21 lần và mãn hụi ngày 30/8/2018 nên số tiền tôi được hốt là 27.500.000 đồng nhưng bà N không có giao hụi cho tôi.

Tiếp đến vào ngày 10/4/2017 âl, bà N áp dây hụi 500.000 đồng, 01 tháng xỏ 01 lần, gồm có 30 hụi viên, tôi có chơi 01 chân thì tôi đóng được 20 lần. Sau

đó, đến ngày 09/11/2018 thì bà N ngưng không xỏ hụi nữa nên tôi và bà N thỏa thuận là bà N còn thiếu tiền hụi tôi đây hụi này là 10.000.000 đồng.

Đồng thời, trước đó bà N còn thiếu tôi số tiền là 4.550.000 đồng nên tổng số tiền bà N còn thiếu tôi là 56.300.000 đồng. Từ khi bà N ngưng không xỏ hụi nữa thì tôi và những hụi viên còn lại có đến gặp bà N để yêu cầu bà trả lại tiền hụi cho chúng tôi nhưng bà N hứa và làm biên nhận nợ cho chúng tôi mà không trả được nợ, để kéo dài đến nay.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải trả cho tôi số tiền nợ hụi còn thiếu là 56.300.000đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và trả một lần là hết nợ, còn ông U xin trả dần thì tôi không đồng ý. Đồng thời, ông U, bà N không có trả cho tôi số tiền là 3.000.000 đồng như ông U trình bày.

Tại bản tự khai đề ngày 08/5/2020 bị đơn ông Trần Văn U trình bày: Vợ tôi là bà N có làm chủ hụi như bà L trình bày là đúng sự thật. Sau đó, vợ tôi ngưng không xỏ hụi nữa thì bà L và những hụi viên còn sống có đòi nợ nhiều lần và vợ chồng tôi có hứa mà không trả được nợ. Đồng thời, vợ chồng tôi có làm biên nhận nợ với bà L vào ngày 13/3/2019 là vợ chồng tôi còn thiếu bà L số tiền hụi là 56.300.000 đồng nhưng đã trả cho bà L được 3.000.000 đồng, chỉ còn thiếu lại 53.300.000 đồng.

Nguyên vọng: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi còn số tiền hụi bà L là 56.300.000 đồng và trả được 3.000.000 đồng còn lại là 53.300.000 đồng nên tôi xin bà L giảm bớt cho vợ chồng tôi còn 45.000.000 đồng, vợ chồng tôi xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật còn bị đơn bà Phạm Thị N không tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, buộc ông Trần Văn U và bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị L số tiền là 56.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N trả số tiền nợ hụi còn thiếu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi nợ hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều

26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

Bị đơn bà Phạm Thị N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Các đương sự thừa nhận bà Phạm Thị U làm chủ hụi và bà Huỳnh Thị L có chơi hụi là đúng sự thật. Xét về thỏa thuận chơi hụi trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp theo tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được tự nguyện thi hành.

Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị L thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thì các đương sự đã thừa nhận là bà N có làm chủ hụi và bà L có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ là đúng sự thật vì được ông U thừa nhận. Đồng thời, ông U cũng xác định khi bà N ngưng không xỏ hụi nữa thì bà L có đến gặp vợ chồng ông để yêu cầu trả nợ nhưng ông U, bà N hứa mà không thực hiện. Mặt khác, ông U, bà N có làm biên nhận với bà L vào ngày 13/3/2019 là bà N, ông U còn thiếu bà L số tiền là 56.300.000 đồng và cam kết trả nợ nhưng ông U, bà N hứa mà không thanh toán tiền cho bà L là vi phạm nghĩa trả nợ. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông U, bà N trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 56.300.000 đồng là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Xét về lời trình bày của ông Trần Văn U thì ông cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ tiền hụi bà L là 56.300.000 đồng nhưng ông yêu cầu bà L giảm bớt còn 45.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do đó, yêu cầu này của ông U không được bà L chấp nhận nên buộc bà N, ông U phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn thiếu là 56.300.000đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Phạm Thị N, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án trực tiếp đến nhà bà N tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật và ông U chồng bà N cũng nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, yêu cầu bà đến Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng bà không đến Tòa án làm văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà N đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L. Do vậy, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà theo qui định của pháp luật.

[3] Đồng thời, ông U cho rằng vợ chồng ông đã trả cho bà L được số tiền 3.000.000 đồng nhưng bà L không thừa nhận và ông U không có chứng cứ gì chứng minh là có trả cho bà L số tiền này. Mặt khác, Tòa án cũng thông báo cho ông U, bà N cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc mình đã trả cho bà L số tiền là 3.000.000 đồng nhưng ông bà không cung cấp chứng cứ để chứng minh là ông bà đã trả cho bà L số tiền là 3.000.000 đồng nên lời trình bày này của ông U cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xét đề

ngiht của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền hui còn nợ là 56.300.000đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST: Bà Huỳnh Thị L thuộc hộ nghèo nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Huỳnh Thị L được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $56.300.000đ \times 5\% = 2.815.000đ$ (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xứ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N.

Buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền là 56.300.000đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 2.815.000đ (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải nộp.

Bà Huỳnh Thị L thuộc hộ nghèo nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Huỳnh Thị L được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho bà Huỳnh Thị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 03/9/2020.

Ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh